

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:142/2020/HNGĐ-ST

Ngày 03/7/2020

*Về việc: “Xin ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Thắng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Thịnh.

Bà Phan Thị Thanh Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mùi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 259/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2019 về: “Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Quang M, sinh năm: 1986, có mặt

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện N, Quảng Nam.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm: 1986; có mặt

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện N, Quảng Nam.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đỗ Thanh T1, sinh năm: 1950. Trú tại: Thôn A, xã K, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

+ Ngân hàng C

Địa chỉ: Tòa nhà B, khu B, phường H, Quận H, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Văn, Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N tham gia tố tụng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn ông M trình bày:

+ Về hôn nhân: Tôi và bà T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau, đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã Tam Hải. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ tôi ngoại tình. Nay, tôi thấy tình cảm vợ chồng đã hết, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

+ Về về con chung: Có hai cháu Trần Bảo Nh, sinh ngày: 07/11/2010 và Trần Bảo L, sinh ngày: 17/01/2015. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi hai cháu, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện N số tiền 12.000.000 đồng. Nợ ông Đỗ Thanh T1 số tiền 3.500.000 đồng. Nếu ly hôn mỗi người trả một nửa số tiền nợ.

+ Cho mượn nợ: không có.

- Bị đơn bà T trình bày:

+ Về hôn nhân: Tôi đồng ý với lời khai của ông T về thời điểm kết hôn, con chung, nợ chung. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nay ông M xin ly hôn tôi đồng ý.

+ Về con chung: Có hai cháu Trần Bảo Nh, sinh ngày 07/11/2010 và Trần Bảo L, sinh ngày 17/01/2015. Nếu ly hôn tôi thống nhất giao cháu Như cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, tôi nuôi dưỡng cháu Long. Không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện N số tiền 12.000.000 đồng. Nợ ông Đỗ Thanh T1 số tiền 3.500.000 đồng. Nếu ly hôn mỗi người trả một nửa số tiền nợ.

+ Cho mượn nợ: không có.

- Tại phiên tòa , đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành phát biểu quan điểm như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

[2] Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Quang M và bà Đỗ Thị T.

+ Về con chung:

Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Như cho ông M nuôi dưỡng, giao cháu Long cho bà T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Ông M, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xử lý.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xử lý.

+ Về nợ chung: Ông M, bà T thống nhất hai vợ chồng có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh huyện N số tiền 12.000.000 đồng. Nợ ông Đỗ Thanh T1 số tiền 3.500.000 đồng.

Đại diện Ngân hàng Chính sách rút yêu cầu trả nợ đối với ông M, bà T. Đề nghị hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng Chính sách huyện Núi Thành.

Buộc ông M và bà T mỗi người trả cho ông T1 1.750.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Quang M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Đỗ Thị T, có địa chỉ nơi cư trú tại: Thôn Đông Tuấn, xã Tam Hải, huyện Núi Thành. Vì vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp phải giải quyết là “Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quang M và bà Đỗ Thị T tự nguyện đến với nhau thành vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã Tam Hải, huyện Núi Thành. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông M phát sinh mâu thuẫn, theo ông M là do bà T ngoại tình, còn theo bà T mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng sống ly thân từ lâu. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, nên ông M xin ly hôn với bà T và bà T cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông M đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên công nhận sự thuận tình ly hôn cho bà T và ông M là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà T và ông M có hai con chung tên Trần Bảo Nh, sinh ngày: 07/11/2010 và Trần Bảo L, sinh ngày: 17/01/2015. Bà T và ông M đều yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu Như và Long, không bên nào yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Như đã trên 7 tuổi và cháu có nguyện vọng ở với

ông M nên giao cháu Như cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T đang nuôi cháu Long, vì cháu Long còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định bình thường về vật chất lẫn tinh thần cho cháu Như và cháu Long, cần giao cháu Như cho ông M tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Long cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là đúng với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông M và bà T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Tài sản chung: Ông M và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Nợ chung:

Ông M và bà T thống nhất hai vợ chồng có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh huyện Núi Thành số tiền 12.000.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng Chính sách huyện N rút yêu cầu đòi nợ đối với ông M, bà T. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng.

Nợ ông Đỗ Thanh T1 số tiền 3.500.000 đồng. Vì vậy, buộc ông M và bà T mỗi người trả cho ông T1 1.750.000 đồng.

[6] Cho mượn nợ: Không có.

[7] Về án phí: Ông Trần Quang M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang M về: “Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” đối với bị đơn bà Đỗ Thị T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Quang M với bà Đỗ Thị T.

2/ Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao con chung tên Trần Bảo Nh, sinh ngày 07/11/2010 cho ông Trần Quang M trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Trần Bảo L, sinh ngày 17/01/2015 cho bà Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trần Quang M, bà Đỗ Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, một hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Tài sản chung: Ông Trần Quang M, bà Đỗ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Nợ chung:

Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh huyện Núi T đối với Trần Quang M, bà Đỗ Thị T về việc trả nợ số tiền 12.000.000 đồng.

Ông Trần Quang M phải trả cho ông Đỗ Thanh T1 số tiền 1.750.000 đồng.

Bà Đỗ Thị T phải trả cho ông Đỗ Thanh T1 số tiền 1.750.000 đồng.

5/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Trần Quang M phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông M đã nộp theo biên lai thu số 0004535 ngày 11/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS h.Núi Thành;
- UBND xã Tam Hải;
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Thắng

